TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HN-ST
Ngày: 28-6-2018
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Văn Bình
2. Bà Lê Thị Cẩm Dung

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 65/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2018 về: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2018/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Xem E, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1971; Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị Xem E có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2018 và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Xem E trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh T do quen biết nhưng tự nguyện tiến đến hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã B cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 01/10/2001. Do trong quá trình sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thường hay bất đồng quan điểm. Từ năm 2010 không còn sống chung cho đến nay. Nay kiên quyết xin ly hôn.

2. Về con chung: Nguyễn Thị Thúy Q, sinh ngày 21/9/2001 và Nguyễn Hữu L, sinh ngày 25/5/2007. Khi ly hôn, chị để con cho anh T nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Bị đơn là anh Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2018:

1. Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị Xem E vì anh còn thương chị. Anh và chị Xem E cưới nhau vào năm 1999, đến năm 2001 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Quá trình sống chung có hạnh phúc. Đến năm 2009, chị Xem E bỏ đi, không nói đi đâu nên anh không tìm được. Đã không còn sống chung khoảng 09 năm.

2. Về con chung: Quá trình sống chung có 02 con chung, do anh trực tiếp nuôi. Nay nếu yêu cầu xin ly hôn của chị Xem E được Tòa án chấp nhận, anh xin trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị Xem E cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành tốt sự triệu tập của Tòa, bị đơn vắng mặt không lý do.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Xem E; con chung: Nguyễn Thị Thúy Q, sinh ngày 21/9/2001 và Nguyễn Hữu L, sinh ngày 25/5/2007. Khi được hỏi ý kiến, Thúy Q và Hữu L đều có nguyện vọng sống với anh T, anh T cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi con đề nghị xem xét để anh T trực tiếp nuôi con. Anh T không yêu cầu chị Xem E cấp dưỡng nuôi con, đề nghị ghi nhận. Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng không có đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Xem E, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn"*; Trong đó xác định chị Nguyễn Thị Xem E là nguyên đơn, anh Nguyễn Thanh T là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Thanh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không rõ lý do, không có đơn xin vắng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Xem E, thấy rằng:

Do trong quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều bất đồng nhưng không có hướng giải quyết tích cực dẫn đến việc chị Xem E bỏ đi một thời gian dài, nay không muốn đoàn tụ nên làm đơn xin ly hôn với anh T.

Quá trình xác minh tại chính quyền địa phương cho biết thông tin: Chị Xem E đã rời khỏi địa phương khoảng 07 – 08 năm. Khi còn sống chung, chị Xem E và anh T cũng có cãi vã qua lại. Anh T ở nhà làm và trực tiếp nuôi con, còn chị Xem E đi làm xa, thỉnh thoảng có về thăm nhà cha mẹ ruột và các con. Hiện các con đều do anh T trực tiếp nuôi.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên xét thấy mâu thuẫn giữa chị Xem E và anh T thực tế đã diễn ra và đã đến mức trầm trọng, cả hai không còn sống chung, việc hàn gắn đoàn tụ là không thể, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T cũng không đến Tòa để hòa giải với chị Xem E mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần điều đó chứng minh anh T không có thiện chí hàn gắn với chị Xem E. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của chị Xem E là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về con chung: Nguyễn Thị Thúy Q, sinh ngày 21/9/2001 và Nguyễn Hữu L, sinh ngày 25/5/2007. Hiện nay 02 con đều do anh T trực tiếp nuôi. Khi được hỏi ý kiến, Thúy Q và Hữu L đều có nguyện vọng sống với anh T, anh T cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi con đề nghị xem xét để anh T trực tiếp nuôi con. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định để anh T trực tiếp nuôi 02 con là phù hợp. Anh T không yêu cầu chị Xem E cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Xem E và anh T đều trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Xem E và anh T đều trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

Các bên không còn yêu cầu nào khác nên không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự đối với yêu cầu xin ly hôn, chị Xem E chịu theo quy định.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 217, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Xem E.

Cụ thể tuyên:

1/ Chị Nguyễn Thị Xem E được ly hôn anh Nguyễn Thanh T.

2/ Về con chung:

- Nguyễn Thị Thúy Q, sinh ngày 21/9/2001 và Nguyễn Hữu L, sinh ngày 25/5/2007. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị Xem E cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Xem E và anh T đều trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Xem E và anh T đều trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét

5/ Về án phí dân sự không có giá ngạch (đối với yêu cầu ly hôn): 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) chị Nguyễn Thị Xem E phải chịu nhưng được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014757 ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS h. Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên